

**BỘ NỘI VỤ  
CỤC VĂN THƯ VÀ LƯU TRỮ  
NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CVT&LTNN-NV  
V/v phổ biến thông tin thống kê  
năm 2025 của Bộ Nội vụ

*Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025*

Kính gửi: Trung tâm Lưu trữ quốc gia tài liệu điện tử và tài liệu dự phòng

Thực hiện Quyết định số 951/QĐ-BNV ngày 26/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Bộ Nội vụ, Quyết định số 441/QĐ-BNV ngày 21/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước có trách nhiệm thu thập, tổng hợp số liệu thống kê lĩnh vực văn thư, lưu trữ và phổ biến số liệu sơ bộ vào tháng 5/2025 (chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước giao Trung tâm Lưu trữ quốc gia tài liệu điện tử và tài liệu dự phòng căn cứ số liệu báo cáo thống kê do Phòng Quản lý Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ cung cấp để phổ biến thông tin thống kê năm 2025 trên Cổng thông tin điện tử của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước theo đúng quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục trưởng;
- PCT Trần Trung Kiên;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ NV;
- Lưu: VT, NV.

**CỤC TRƯỞNG**

**Đặng Thanh Tùng**

**Phụ lục**  
**BẢNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ SƠ BỘ LĨNH VỰC VĂN THƯ - LƯU TRỮ ĐẾN 31/12/2024**  
*(Kèm theo Công văn số /CVT&LTNN-NV ngày /5/2025 của Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước)*

| STT | Tên chỉ tiêu                                                     | Đơn vị tính    | Lưu trữ cơ quan | Lưu trữ lịch sử các cấp |
|-----|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Số lượng văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ công tác văn thư | Văn bản        | 51.389          | -                       |
| 2   | Số lượng văn bản đi                                              | Văn bản        | 104.699.247     | -                       |
| 3   | Số lượng văn bản đến                                             | Văn bản        | 761.263.074     | -                       |
| 4   | Số lượng hồ sơ                                                   | Hồ sơ          | 73.180.214      | -                       |
| 5   | Số lượng nhân sự làm công tác văn thư                            | Người          | 36.065          | -                       |
| 6   | Số lượng văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ công tác lưu trữ | Văn bản        | 34.016          | 311                     |
| 7   | Số lượng tài liệu lưu trữ giấy                                   | Hồ sơ/ĐVBQ     | 43.142.890      | 7.000.149               |
|     |                                                                  | Quy ra mét giá | 2.726.198       | 2.078.988               |
| 8   | Số lượng tài liệu lưu trữ giấy đã thu thập trong năm             | Quy ra mét giá | 448.960         | 10.127                  |

|    |                                                                        |                |           |         |
|----|------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|---------|
| 9  | Số lượng tài liệu lưu trữ giấy đã đến hạn thu thập nhưng chưa thu thập | Mét giá        | 281.096   | 4.070   |
| 10 | Số lượt người khai thác sử dụng tài liệu                               | Lượt người     | 1.320.408 | 20.014  |
| 11 | Diện tích kho lưu trữ                                                  | m <sup>2</sup> | 858.457   | 361.248 |
|    | <i>Chia ra: - Kho chuyên dụng</i>                                      |                | 141.866   | 350.606 |
|    | <i>- Kho không chuyên dụng</i>                                         |                | 416.018   | 6.603   |
|    | <i>- Kho tạm</i>                                                       |                | 300.573   | 4.039   |
| 12 | Số lượng nhân sự làm công tác lưu trữ                                  | Người          | 7.075     | 860     |

*Nguồn: Báo cáo thống kê ngành Nội Vụ*